

Số: /BC-UBND

Đắk Glei, ngày tháng năm 2024

BÁO CÁO

Tình hình triển khai và thực hiện chỉ tiêu giảm nghèo trên địa bàn huyện Đắk Glei

Thực hiện Quyết định số 16/QĐ-BVHXH ngày 09/5/2024 của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh Kon Tum về thành lập Đoàn giám sát về Kết quả thực hiện chỉ tiêu giảm nghèo trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Kế hoạch số 17/KH-ĐGS ngày 09/5/2024 của Đoàn giám sát Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh Kon Tum về giám sát Kết quả thực hiện chỉ tiêu giảm nghèo hàng năm trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Công văn số 1034/SLĐT BXH-TGXHGN ngày 17/5/2024 của Sở Lao động – TB&XH tỉnh Kon Tum về việc phối hợp báo cáo kết quả thực hiện chỉ tiêu giảm nghèo trên địa bàn tỉnh.

Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glei báo cáo tình hình triển khai và thực hiện chỉ tiêu giảm nghèo trên địa bàn huyện Đắk Glei giai đoạn 2021-2025, ước thực hiện đến 30 tháng 5 năm 2024, như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH, KIỂM TRA, GIÁM SÁT VÀ CỨNG CỐ, KIẾN TOÀN ĐỘI NGŨ THỰC HIỆN CÔNG TÁC GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021-2025

1. Công tác lãnh chỉ đạo tổ chức thực hiện giảm nghèo của địa phương:

- Triển khai thực hiện Quyết định của Chính phủ¹; UBND tỉnh²; Nghị quyết của Đảng bộ huyện³ về Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, địa phương đã thành lập Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia huyện Đắk Glei giai đoạn 2021- 2025 đi vào hoạt động và triển khai thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo quy định⁴; ban hành Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia huyện Đắk Glei giai đoạn 2021- 2025⁵.

¹ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 1945/QĐ-TTg ngày 18 tháng 11 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

² Kế hoạch số 696/KH-UBND ngày 01/3/2021 của UBND tỉnh Kon Tum về thực hiện công tác giảm nghèo và an sinh xã hội bền vững năm 2021 trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Kế hoạch số 3778/KH-UBND ngày 20/10/2021 của UBND tỉnh Kon Tum về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2022; Quyết định số 86/QĐ-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025.

³ Nghị quyết số 06-NQ/ĐH ngày 10-8-2020 của Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025; Chương trình số 17-CTr/HU ngày 09/11/2020 của BCH Đảng bộ huyện lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025 về thực hiện chỉ tiêu giảm nghèo bền vững toàn huyện đến cuối năm 2025 còn dưới 11,75% hộ nghèo; Kế hoạch số 76/KH-UBND ngày 07/4/2020 của UBND huyện về triển khai thực hiện Chương trình số 36-CTr/HU ngày 05-3-2021 của Huyện ủy về thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020-2025 “*về đây mạnh giảm nghèo bền vững, gắn với chống tái nghèo, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số*”.

⁴ Cấp huyện thành lập tại Quyết định số 181/QĐ-UBND ngày 21/5/2022 về việc thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia huyện Đắk Glei giai đoạn 2021-2025; các cấp cơ sở gồm 12/12 xã, thị trấn đã thành lập Ban Chỉ đạo Chương trình MTQG theo quy định.

⁵ Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 199/QĐ-BCĐ ngày 07/6/2022 của Ban Chỉ đạo các CTMTQG giai đoạn 2021-2025 về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia huyện Đắk Glei giai đoạn 2021-2025.

Đồng thời, chỉ đạo Phòng Lao động - TB&XH thành lập Tổ công tác thực hiện Chương trình⁶; ban hành Quy chế hoạt động của Tổ công tác thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững huyện giai đoạn 2021 – 2025 theo quy định⁷.

- Thực hiện ban hành kế hoạch lãnh chỉ đạo triển khai thực hiện mục tiêu công tác giảm nghèo hàng năm trên địa bàn huyện đến các cơ quan, đơn vị và UBND các xã, thị trấn theo quy định⁸.

2. Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật thực hiện chỉ tiêu giảm nghèo trên địa bàn huyện:

- Địa phương đã triển khai thực hiện các hoạt động truyền thông về Chương trình giảm nghèo bền vững⁹. Đồng thời các cấp cơ sở đã triển khai thực hiện tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, công chức làm công tác giảm nghèo, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và cộng đồng dân cư trên địa bàn về công tác giảm nghèo bền vững bằng nhiều hình thức tuyên truyền phù hợp¹⁰.

- UBND huyện Đắk Glei đã ban hành Kế hoạch số 52/KH-UBND ngày 09/3/2023 về tổ chức tiếp xúc, đối thoại trực tiếp với hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các xã, thị trấn; tiến hành tổ chức tiếp xúc, đối thoại trực tiếp tại xã Đắk Nhoong với hơn 39 hộ nghèo, hộ cận nghèo tham gia; Kế hoạch số 51/KH-UBND ngày 27/02/2024 về tổ chức tiếp xúc, đối thoại trực tiếp với hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2024 trên địa bàn huyện.

3. Công tác củng cố, kiện toàn đội ngũ làm công tác giảm nghèo các cấp trên địa bàn huyện:

Công tác củng cố, kiện toàn đội ngũ làm công tác giảm nghèo từ cấp huyện đến cấp cơ sở luôn được cấp Ủy và chính quyền các cấp quan tâm; hàng năm thực hiện cử cán bộ và công chức chuyên môn tham gia đầy đủ các lớp tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ tỉnh và huyện tổ chức theo quy định¹¹. Đã thực hiện xây dựng kế hoạch thi tuyển, tuyển dụng mới kịp thời một số chức danh công chức cấp xã, thị trấn và các công chức giữ chức danh Văn hóa – Xã hội ở cấp xã, thị trấn theo quy định.

⁶ Quyết định số 01/QĐ-PLĐTĐBXH ngày 21/5/2022 của Phòng Lao động-TBXH huyện Đắk Glei về việc thành lập Tổ công tác thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện Đắk Glei, giai đoạn 2021 -2025.

⁷ Quyết định số 02/QĐ-TCT ngày 26/6/2022 của Tổ công tác thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025 huyện Đắk Glei về việc ban hành Quy chế hoạt động của Tổ công tác thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, giai đoạn 2021 – 2025.

⁸ **Năm 2021:** Kế hoạch số 70/KH-UBND ngày 06/4/2021 của UBND huyện Đắk Glei về Triển khai thực hiện công tác giảm nghèo và an sinh xã hội bền vững năm 2021 trên địa bàn huyện Đắk Glei; **Năm 2022:** Công văn số 567/UBND-LĐTĐBXH ngày 04/4/2022 của UBND huyện Đắk Glei về việc giao chỉ tiêu phân đầu giảm nghèo năm 2022; **Năm 2023:** Công văn số 989-CV/HU ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Huyện ủy Đắk Glei về việc đẩy mạnh thực hiện chỉ tiêu giảm nghèo đa chiều trên địa bàn huyện năm 2023; Công văn số 874/UBND-LĐTĐBXH ngày 10/5/2023 của UBND huyện Đắk Glei về việc giao chỉ tiêu phân đầu giảm nghèo đa chiều năm 2023; **Năm 2024:** Quyết định số 1010/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 của UBND huyện Đắk Glei về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024.

⁹ Triển khai lắp đặt cụm Pano cố định tuyên truyền về công tác giảm nghèo trên địa bàn các xã, thị trấn.

¹⁰ Tổ chức 02 lớp tập huấn nâng cao năng lực thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2022, năm 2023; triển khai kế hoạch lắp đặt mới cụm Pano cố định về công tác giảm nghèo trên địa bàn 04 xã.

¹¹ Lớp do cấp tỉnh tổ chức tham gia 03 đợt tập huấn với 25 đại biểu tham gia/ 01 đợt tập huấn; Lớp cấp huyện tổ chức 03 đợt tập huấn với 45 đại biểu tham gia/ 01 đợt tập huấn.

4. Công tác kiểm tra, giám sát thực hiện công tác giảm nghèo các cấp trên địa bàn huyện: Triển khai thực hiện nhiệm vụ quy định tại Thông tư số 10/2022/TT-BLĐTBXH ngày 31/5/2022¹², địa phương đã ban hành các văn bản thực hiện công tác kiểm tra, giám sát tại các cơ quan, đơn vị và UBND 12 xã, thị trấn theo quy định¹³.

5. Công tác phối hợp với UBMTTQVN, các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội các cấp: Các cấp, các ngành kịp thời bám sát các quy định trong công tác phối hợp của Chính phủ, hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương, của tỉnh để điều hành, hướng dẫn thực hiện Chương trình, đảm bảo tổ chức Chương trình được triển khai thực hiện có hiệu quả. Quá trình thực hiện Chương trình trên địa bàn huyện luôn nhận được sự phối hợp tham gia giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội huyện.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC GIẢM NGHÈO TẠI ĐỊA PHƯƠNG

1. Công tác triển khai rà soát, công nhận hộ nghèo, cận nghèo hàng năm:

- Đối với cấp huyện: Hàng năm, trên cơ sở các văn bản của Trung ương¹⁴, UBND tỉnh¹⁵, Sở Lao động – TB&XH tỉnh¹⁶, địa phương đã ban hành các văn bản tổ chức, chỉ đạo triển khai, thực hiện công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo¹⁷; xác

¹² Thông tư số 10/2022/TT-BLĐTBXH ngày 31/5/2022 hướng dẫn giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025

¹³ Kế hoạch số 248/KH-UBND ngày 28/10/2022 của UBND huyện về kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022; Kế hoạch số 139/KH-UBND ngày 08/6/2023 của UBND huyện về kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2023; Quyết định số 545/QĐ-UBND ngày 16/10/2023 của UBND huyện về thành lập Đoàn kiểm tra tình hình triển khai thực hiện CT MTQG GNBV trên địa bàn huyện Đăk Glei năm 2023; Kế hoạch số 122/KH-UBND ngày 16/4/2024 của UBND huyện về kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024 trên địa bàn huyện; Quyết định số 68/QĐ-UBND ngày 22/4/2024 của UBND huyện về thành lập Đoàn Kiểm tra tình hình triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện Đăk Glei năm 2024.

¹⁴ Nghị định 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ; Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của TTCP; Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025 và các biểu mẫu báo cáo; Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30-3-2022 Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH 18-7-2021; Văn bản số 1315/VBHN-BLĐTBXH ngày 13/4/2023 của Bộ LĐ-TB&XH xác thực hợp nhất Thông tư hướng dẫn phương pháp rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 và mẫu biểu báo cáo; Công văn số 2752/LĐTBXH-VPQGGN ngày 19/7/2023 của Bộ LĐ-TB&XH về rà soát và gửi dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ năm 2023.

¹⁵ **Năm 2021:** Kế hoạch số 3332/KH-UBND ngày 17/9/2021 của UBND tỉnh Kon Tum; **Năm 2022:** Kế hoạch số 2995/KH-UBND ngày 12/9/2022 của UBND tỉnh Kon Tum về rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp có mức sống trung bình năm 2022 trên địa bàn tỉnh; **Năm 2023:** Kế hoạch số 3078/KH-UBND ngày 14/9/2023 của UBND tỉnh Kon Tum về rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định hộ làm NN, LN có MSTB năm 2023;

¹⁶ **Năm 2021:** Hướng dẫn số 03/HD-SLĐTBXH ngày 25/9/2021 của Sở Lao động – TB&XH tỉnh Kon Tum về hướng dẫn rà soát hộ nghèo; hộ cận nghèo; xác định hộ nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2021; **Năm 2022:** Hướng dẫn số 04/HD-SLĐTBXH ngày 22/9/2022 của Sở Lao động – TB&XH tỉnh Kon Tum về hướng dẫn rà soát hộ nghèo; hộ cận nghèo; xác định hộ nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2022; **Năm 2023:** Hướng dẫn số 04/HD-SLĐTBXH ngày 18/9/2023 của Sở LĐ-TB&XH tỉnh Kon Tum về hướng dẫn rà soát hộ nghèo; hộ cận nghèo; xác định hộ nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có MSTB năm 2023;

¹⁷ **Năm 2021:** Quyết định số 840/QĐ-UBND ngày 07/9/2021 của UBND huyện về việc thành lập Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2021 – 2025; Quyết định số 859/QĐ-UBND ngày 23/9/2021 kiện toàn Ban chỉ đạo rà soát hộ nghèo; hộ cận nghèo huyện Đăk Glei; Kế hoạch số 207/KH-UBND ngày 21/9/2021 của UBND huyện về rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác

định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn huyện đến UBND các xã, thị trấn; tiến hành tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho các thành viên Ban Chỉ đạo cấp huyện, UBND các xã, thị trấn, Ban chỉ đạo các xã, thị trấn; công chức Văn hóa – Xã hội; rà soát viên ở cấp cơ sở theo quy định¹⁸.

- Đối với UBND các xã, thị trấn: Đã thành lập và kiện toàn lại Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình; xây dựng kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình bám sát các văn bản quy định thời gian, tiến độ của ngành cấp trên... đã tổ chức tập huấn và thực hiện quy trình rà soát, phân công tổ, thành viên theo dõi phụ trách công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo từng thôn, làng.

- Công tác tuyên truyền, kiểm tra và giám sát:

+ Thường xuyên tăng cường công tác tuyên truyền chỉ đạo về công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình đến tận các thôn, làng trên địa bàn quản lý; thông qua các cuộc họp tại cấp cơ sở tổ chức dân chủ, công khai.

+ Địa phương đã chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác kiểm tra giám sát rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo đối với các cơ quan, đơn vị được phân công phụ trách địa bàn theo quy định¹⁹.

2. Khó khăn, hạn chế: Qua thực hiện rà soát hộ nghèo giai đoạn 2021 - 2023, địa phương nhận thấy còn có một số tồn tại và hạn chế, như sau:

- Công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định hộ có mức sống trung

định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn huyện năm 2021; **Năm 2022:** Kế hoạch số 212/KH-UBND ngày 15/9/2022 của UBND huyện về rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình năm 2022 trên địa bàn huyện; Công văn số 1814/UBND-LĐTBXH ngày 23/9/2022 của UBND huyện về triển khai thực hiện Hướng dẫn số 04/HD-SLĐTBXH ngày 22/9/2022 của Sở Lao động-TBXH tỉnh Kon Tum; **Năm 2023:** Kế hoạch số 192/KH-UBND ngày 06/9/2023 của UBND huyện về rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có MSTB năm 2023; Công văn số 2384/UBND-LĐTBXH ngày 02/11/2023 của UBND huyện về phân đầu thực hiện đảm bảo đạt mục tiêu giảm nghèo đa chiều năm 2023; Công văn số 640/PLĐTBXH-CV ngày 31/10/2023 của Phòng LĐ-TBXH huyện triển khai thực hiện quy trình nội bộ cấp xã trong giải quyết thủ tục hành chính rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn.

¹⁸ Tập huấn ngày 22/9/2023 tại cấp huyện với 111 người có mặt tham gia tập huấn. Qua triển khai quán triệt và hướng dẫn nghiệp vụ cho các thành viên Ban chỉ đạo cấp huyện và cán bộ, công chức, rà soát viên cấp cơ sở về rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình năm 2023, Phòng Lao động – TB&XH huyện đã trực tiếp trao đổi hướng dẫn đối với 05 ý kiến của đại biểu tham gia tập huấn; tổ chức khảo sát lấy ý đại biểu tham gia tập huấn về sự cần thiết, tính hiệu quả của lớp tập huấn bằng Phiếu thu thập thông tin.

¹⁹ Kế hoạch số 207/KH-UBND ngày 21/9/2021 của UBND huyện Đăk Glei về rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn huyện năm 2021, để tiến hành công tác kiểm tra, giám sát theo quy định, Ban Chỉ đạo cấp huyện đã thực hiện kiểm tra giám sát 02 đơn vị Xã Mường Hoong và Ngọc Linh theo kế hoạch đề ra. Ban Chỉ đạo cấp tỉnh đã thực hiện kiểm tra, giám sát các xã Đăk Môn và Đăk Krooong và làm việc tại huyện vào ngày 16/11/2021 theo kế hoạch của tỉnh; Kế hoạch số 259/KH-BCĐ ngày 09/11/2022 của Ban Chỉ đạo rà soát cấp huyện kiểm tra, giám sát công tác triển khai thực hiện rà soát hộ nghèo hộ cận nghèo; xác định hộ nông, lâm, ngư nghiệp có mức sống trung bình năm 2022; Thực hiện Kế hoạch số 212/KH-UBND ngày 15/9/2022 của UBND huyện Đăk Glei về rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình năm 2022 trên địa bàn huyện, UBND huyện đã kiểm tra, giám sát tại UBND các xã, thị trấn theo quy định; Thực hiện Kế hoạch số 233/KH-BCĐ ngày 03/11/2023 của Ban Chỉ đạo về rà soát cấp huyện kiểm tra, giám sát công tác triển khai thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định hộ nông, lâm, ngư nghiệp có mức sống trung bình năm 2023 trên địa bàn huyện, UBND huyện đã tiến hành công tác kiểm tra, giám sát tại 06 xã, thị trấn theo quy định; phối hợp với Sở Lao động-TB&XH tỉnh giám sát 01 đơn vị cấp xã.

bình năm 2021 được thực hiện cùng một lần²⁰; công việc triển khai thực hiện nhiều, một số biểu mẫu của giai đoạn 2022 - 2025 còn mới nên trong quá trình thực hiện rà soát, đội ngũ cán bộ, công chức; rà soát viên nhất là ở cấp cơ sở còn gặp nhiều khó khăn.

- Công tác tổng hợp kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo ở một số cấp cơ sở còn chậm; năng lực của một số đội ngũ cán bộ, công chức cấp cơ sở được giao phụ trách chỉ đạo, tổng hợp chung số liệu, rà soát còn yếu nên ảnh hưởng chung đến thời gian, tiến độ báo cáo cấp tỉnh; địa phương có địa hình phân tán, núi, đồi dốc, đường đi tới các thôn, làng còn nhiều khó khăn nên công tác đi lại trong rà soát của các điều tra viên tốn nhiều thời gian.

- Công tác rà soát được triển khai thực hiện trong tình hình dịch bệnh Covid - 19 diễn biến phức tạp gây rất nhiều khó khăn cho công tác rà soát tại cấp cơ sở từ các quy trình tổ chức triển khai tập huấn, rà soát, họp dân²¹ ảnh hưởng đến tiến độ rà soát.

- Trong quá trình triển khai thực tế rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 theo chuẩn mới; bộ công cụ rà soát mới nội dung biểu mẫu; tiêu chí trong bộ công cụ rà soát còn bất cập, chưa hợp lý²².

- Công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định hộ có mức sống trung bình được thực hiện cùng một thời điểm triển khai thực hiện thu thập thông tin thị trường lao động định kỳ năm 2022 và năm 2023; trong khi đó công chức cấp cơ sở chỉ có một người tham mưu, tổng hợp; công tác tổng hợp kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo ở một số cấp cơ sở còn chậm, năng lực của một số đội ngũ công chức cấp cơ sở yếu kỹ năng nghiệp vụ trong tổng hợp chung số liệu, nên ảnh hưởng nhiều đến thời gian, tiến độ báo cáo cấp huyện, tổng hợp báo cáo cấp tỉnh theo quy định.

- Địa phương có địa hình phân tán, núi, đồi dốc, đường đi tới các thôn, làng còn nhiều khó khăn nên công tác đi lại trong rà soát của các rà soát viên tốn nhiều thời gian; một số chức danh Thôn trưởng, Thôn phó tại các xã, thị trấn mới được kiện toàn nên cũng ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình lãnh chỉ đạo tổ chức triển khai rà soát ở cấp cơ sở.

- Qua thực tế rà soát cho thấy bộ công cụ rà soát Mẫu số 3.4. Bảng chấm điểm Phiếu B1 khu vực thành thị và Mẫu số 3.8. Bảng chấm điểm Phiếu B1 khu vực nông thôn Tây Nguyên còn bất cập chưa hợp lý giữa các khu vực đối với hộ gia đình có 1, 2 khẩu điểm nhân khẩu trong hộ cao nên tổng điểm B1 vượt qua chuẩn hộ nghèo, hộ

²⁰ Cụ thể: Chuẩn cũ giai đoạn 2016-2020 tại Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ; chuẩn mới giai đoạn 2021-2025 tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ và rà soát xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình.

²¹ Quy định không được tập trung quá 10 người gây khó khăn cho cấp cơ sở cơ sở trong quá trình triển khai thực hiện.

²² Cụ thể: (1): Việc rà soát tiêu chí dinh dưỡng (*chiều cao, cân nặng của trẻ*) gặp khó khăn vì tiêu chí này phải ước lượng đề đo lường trong khi chủ hộ không nắm được thông tin thành viên trong hộ. (2): Tại phiếu B, mẫu số 3.4 có một số điểm bất cập, chưa hợp lý: Tại mục số 1 (*Nhân khẩu trong hộ*) và mục 2 (*Số người trong độ tuổi lao động*): Theo mẫu phiếu thì mới tính đến số lượng nhân khẩu, số người trong độ tuổi lao động nhưng không tính đến việc nhân khẩu hay số người trong độ tuổi lao động có còn sức lao động hay không, thực tế có tham gia làm việc hay không. Đối với hộ có 1, 2 nhân khẩu mặc dù không có tài sản gì, hộ rất khó khăn nhưng do điểm nhân khẩu quá cao nên tổng điểm B2 vượt qua chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo; qua rà soát thực tế cho thấy những hộ có nhiều nhân khẩu thường dễ có nguy cơ rơi vào hộ nghèo, hộ cận nghèo hơn những hộ có ít nhân khẩu; các mức điểm đặc trưng “số nhân khẩu trong hộ”; “số người trong độ tuổi lao động” không đồng nhất thang điểm so với Mẫu 3.3. Bảng quy ước điểm Phiếu B1 (điểm chuẩn).

cận nghèo, nhưng thực tế hộ gia đình không có tài sản, rất khó khăn trong cuộc sống, thường xuyên đau ốm, mắc bệnh.

3. Kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ cho hộ nghèo, cận nghèo giai đoạn 2021-2023 (số liệu thực hiện các năm 2022, 2023 và quý I năm 2024):

3.1. Kết quả thực hiện các chính sách hỗ trợ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo

- Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo:

+ Năm 2022: Ngân sách Trung ương, tỉnh phân bổ **1.688,0** triệu đồng, địa phương đã phân bổ 100% kinh phí cho 12 xã, thị trấn để triển khai, thực hiện tổng số dự án, mô hình: **13** mô hình. Tiến độ triển khai, thực hiện: Các xã, thị trấn đã triển khai thực hiện mô hình đảm bảo theo quy trình, quy định Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25/5/2022 của Bộ Lao động – TB&XH²³ và quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh²⁴ trong thực hiện hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi đến **232** đối tượng (*hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; nhóm hộ...*) tham gia thụ hưởng chính sách từ Chương trình; đã thực hiện giải ngân **864,733** triệu đồng; kinh phí còn lại tiếp tục thực hiện theo quy định.

+ Năm 2023: Ngân sách Trung ương, tỉnh phân bổ **4.252,0** triệu đồng, địa phương đã phân bổ 100% kinh phí cho 12 xã, thị trấn để triển khai, thực hiện tổng số dự án, mô hình: **16** mô hình. Tiến độ triển khai, thực hiện: Các xã, thị trấn đã triển khai thực hiện mô hình đảm bảo theo quy trình, quy định Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25/5/2022 của Bộ Lao động - TB&XH và quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh trong thực hiện hỗ trợ giống cây trồng và vật nuôi đến **291** đối tượng (*hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo...*) tham gia thụ hưởng chính sách từ Chương trình; đã thực hiện giải ngân **3.698** triệu đồng; kinh phí còn lại tiếp tục thực hiện theo quy định.

+ Năm 2024: Ngân sách Trung ương, tỉnh phân bổ: **6.122** triệu đồng; Nguồn ngân sách địa phương²⁵: **510,0** triệu đồng; địa phương đã phân bổ 100% kinh phí cho 12 xã, thị trấn để triển khai, thực hiện tổng số dự án, mô hình: **14** mô hình. Tiến độ triển khai, thực hiện: Các xã, thị trấn đang triển khai thực hiện mô hình đảm bảo theo quy trình, quy định Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25/5/2022 của Bộ Lao động - TB&XH; nghiên cứu thực hiện Thông tư số 03/2024/TT-BLĐTBXH ngày 18 tháng 4 năm 2024 của Bộ Lao động-TB&XH²⁶ và quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Hỗ trợ cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài: Ngân sách tỉnh giai đoạn 2021 - 2024, phân bổ cho Sở Lao động –

²³ Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25/5/2022 của Bộ Lao động – TB&XH hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

²⁴ Ban hành kèm theo Quyết định số 02/2023/QĐ-UBND của UBND tỉnh Kon Tum về ban hành quy định về cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ để luân chuyển trong cộng đồng thực hiện dự án, phương án phát triển sản xuất cộng đồng, thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

²⁵ Theo Khoản 1, Điều 12, Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 23/7/2022 của HĐND tỉnh Kon Tum, ngân sách địa phương bố trí bằng 10% ngân sách trung ương.

²⁶ Thông tư số 03/2024/TT-BLĐTBXH ngày 18 tháng 4 năm 2024 của Bộ Lao động-TBXH về hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 ; Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 05/6/2024.

TB&XH tỉnh (*thông qua Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh*) và 03 huyện nghèo trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện. Theo chia sẻ thông tin từ Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh, huyện Đăk Glei trong năm 2022 và 2023 có 09 lao động²⁷ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

- **Chính sách hỗ trợ giải quyết việc làm:** UBND huyện thực hiện chỉ đạo Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện thường xuyên rà soát các đối tượng tham gia chính sách hỗ trợ giải quyết việc đảm bảo kịp thời thụ hưởng chính sách theo quy định (*hiện này đã thực hiện 11 hộ với kinh phí 580 triệu đồng*).

3.2. Kết quả thực hiện hỗ trợ các chính sách (*cải thiện dinh dưỡng; Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm xã hội tự nguyện; đào tạo nghề; trợ giúp xã hội; giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt; Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết; chính sách tín dụng*):

- **Cải thiện dinh dưỡng:**

+ **Năm 2022:** Trung ương, tỉnh không giao dự toán kinh phí để triển khai, thực hiện.

+ **Năm 2023:** Ngân sách Trung ương, tỉnh phân bổ **679,0** triệu đồng; đối ứng địa phương **67,9** triệu đồng, thực hiện phân bổ cho Phòng Y tế chủ trì phối hợp với Trung tâm y tế và UBND các xã, thị trấn để triển khai, thực hiện. Tiến độ triển khai, thực hiện: Đơn vị chủ trì đang triển khai thực hiện các quy trình Quyết định 3452/QĐ-BYT ngày 06/9/2023 của Bộ Y tế²⁸ để thực hiện các hoạt động cân đo trẻ để xác định mức độ suy dinh dưỡng cấp tính, trung bình, nhẹ; thực hiện các bước phân khai vốn mua các sản phẩm dinh dưỡng và đấu thầu. Đã thực hiện tạm ứng 53,780 triệu đồng để thực hiện nhiệm vụ cân, đo cho trẻ từ 0 đến dưới 16 tuổi.

+ **Năm 2024:** Ngân sách Trung ương, tỉnh phân bổ **932,0** triệu đồng; đối ứng địa phương **93,2** triệu đồng, thực hiện phân bổ cho Phòng Y tế chủ trì phối hợp với Trung tâm y tế và UBND các xã, thị trấn để triển khai, thực hiện. Tiến độ triển khai, thực hiện: Đơn vị chủ trì đang triển khai thực hiện các quy trình Quyết định 3452/QĐ-BYT ngày 06/9/2023 của Bộ Y tế để thực hiện các hoạt động cân đo trẻ xác định mức độ suy dinh dưỡng cấp tính, trung bình, nhẹ.

- **Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm xã hội tự nguyện:** Triển khai và thực hiện các văn bản chỉ đạo của Trung ương²⁹; Chính phủ³⁰; Tỉnh ủy³¹; HĐND tỉnh³²; UBND tỉnh³³

²⁷ Cụ thể: (1). Năm 2022, Công ty CP XNK TM Hợp tác nhân lực Quốc tế Việt Nam (VINAINCOMEX ..., JSC); Trung tâm lao động ngoài nước tổ chức đưa 02 lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài tại các thị trường Đài Loan, Hàn Quốc. (2). Năm 2023, các công ty cổ phần đầu tư và hợp tác quốc tế Thăng Long; Công ty cổ phần đầu tư Thuận An DMC; Công ty Tràng An; Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thương mại hợp tác nhân lực quốc tế Việt Nam (VINAINCOMEX...JSC); Trung tâm lao động ngoài nước tổ chức đưa 07 lao động²⁷ đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài tại các thị trường Nhật Bản, Ba Lan, Saudi Arabia, Hungary, Hàn Quốc. Qua điều tra khảo sát, thu nhập bình quân năm của người lao động đi làm việc ở nước ngoài khoảng từ 100-200 triệu đồng/năm. Nhìn chung đời sống của lao động và gia đình các lao động tham gia đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng cơ bản cải thiện; một số gia đình đã vươn lên thoát nghèo.

²⁸ Quyết định 3452/QĐ-BYT ngày 06/9/2023 của Bộ Y tế về việc ban hành hướng dẫn thực hiện nội dung “cải thiện dinh dưỡng” thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

²⁹ Nghị quyết số 28-NQ/TW, ngày 23/5/2018 của BCH TW về cải cách chính sách BHXH.

³⁰ Nghị quyết số 125/NQ-CP, ngày 08/10/2018 của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW; Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế; Nghị định số 75/2023/NĐCP ngày 19/10/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế; Thông tư số 30/2019/TT-BLĐTBXH ngày 26/12/2019 của Bộ Lao động – TB&XH về hướng dẫn lập danh sách đối tượng tham gia BHYT do Bộ Lao động – TB&XH quản lý;

và Hướng dẫn Liên ngành số 07/HDLN-SLĐTBXH-SYT-STC-SGDĐT-BDT-BHXH ngày 31/12/2020 của Liên ngành: Sở Lao động - TB&XH, Sở Y Tế - Sở Tài Chính, Sở Giáo dục và Đào tạo, Bảo hiểm xã hội tỉnh Kon Tum³⁴; địa phương đã ban hành các văn bản lãnh chỉ đạo tổ chức triển khai, thực hiện về tăng cường công tác quản lý nhà nước đối tượng được ngân sách nhà nước đóng, hỗ trợ đóng thẻ BHYT toàn huyện³⁵. Đến quý I năm 2024 các nhóm đối tượng do ngân sách nhà nước đóng, hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế **41.787** đối tượng, với tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt **79,91%**; bảo hiểm xã hội tự nguyện đạt **6,89%** so với lực lượng lao động toàn huyện³⁶.

- **Về tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện:** Số người tham gia BHXH được NSNN hỗ trợ mức đóng là **1.376** người. Trong đó, người thuộc hộ nghèo, cận nghèo được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí trong quý I năm 2024 là 142 người, với số tiền hỗ trợ là 33,792 triệu đồng.

- **Chính sách hỗ trợ về giáo dục cho học sinh thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo:** UBND huyện thực hiện chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện; các cơ sở giáo dục trên địa bàn huyện thực hiện rà soát thường xuyên và chi trả các chính sách hỗ trợ cho học sinh thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo và chính sách khác đảm bảo kịp thời theo quy định.

- **Công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn chung toàn huyện:** Hàng năm, Ủy ban nhân dân huyện đã chỉ đạo Phòng Lao động-TB&XH phối hợp với Trung tâm GDNN-GDTX và Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn tổ chức tuyên truyền về đào tạo nghề cho lao động nông thôn, tư vấn giới thiệu việc làm

³¹ Chương trình số 72-CT/TU ngày 21-11-2018 của BCH Đảng bộ tỉnh Khóa XV về thực hiện; Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 23-5-2018 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách BHXH...

³² Nghị quyết số 18/2019/NQ-HĐND ngày 18/7/2019 của HĐND tỉnh Kon Tum quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

³³ Quyết định số 248/QĐ-UBND ngày 20/3/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Đề án thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội (BHXH) trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2030; Công văn số 980/UBND-KGVX ngày 25/3/2024 của UBND tỉnh Kon Tum về tiếp tục tăng cường thực hiện chính sách BHXH, BHTN trên địa bàn tỉnh...

³⁴ Về việc triển khai cấp thẻ bảo hiểm y tế (BHYT) cho các đối tượng xã hội, học sinh, sinh viên và phương thức thanh toán phần kinh phí do ngân sách nhà nước đóng, hỗ trợ đóng BHYT

³⁵ Kế hoạch số 23/KH-UBND ngày 15/02/2019 về thực hiện các chỉ tiêu về chính sách an sinh xã hội BHXH, BHYT, BHTN năm 2019 trên địa bàn huyện; Quyết định số 289/QĐ-UBND ngày 08/4/2019 về việc ban hành Đề án thực hiện chính sách BHXH trên địa bàn huyện Đăk Glei đến năm 2030; Kế hoạch số 84/KH-UBND ngày 17/5/2019 triển khai thực hiện Đề án cải cách chính sách BHXH trên địa bàn huyện đến năm 2030; Công văn số 905/UBND-VHXX ngày 10/7/2019 về việc triển khai thực hiện phát triển đối tượng tham gia BHXH tự nguyện trên địa bàn huyện; Công văn số 651/UBND-LĐTBXH ngày 29/3/2024 của UBND huyện Đăk Glei về tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước đối tượng được ngân sách nhà nước đóng, hỗ trợ đóng thẻ BHYT; Công văn số 1476/UBND-LĐTBXH ngày 07/8/2020 của UBND huyện về tăng cường chỉ đạo thực hiện trách nhiệm rà soát đề xuất cho đối tượng được ngân sách nhà nước cấp thẻ BHYT; hỗ trợ đóng BHYT;

³⁶ Cụ thể: (1): Người thuộc diện hộ nghèo được cấp thẻ BHYT là 4.253 người, với 1.033.803.000 đồng kinh phí thực hiện; người thuộc hộ cận nghèo được cấp thẻ BHYT là 514 người, với 125.002.350 đồng kinh phí thực hiện; (2): Các nhóm tham gia BHYT được NSNN đóng, hỗ trợ một phần mức đóng khác gồm: Người DTTS sinh sống vùng ĐBKK khó khăn: 22.184 người, với 5.387.958.000 đồng kinh phí thực hiện; nhóm tham gia bảo trợ xã hội: 625 người, với 151.713.000 đồng kinh phí thực hiện; Nhóm người có công, thân nhân có công, cựu chiến binh, tham gia kháng chiến: 634 người, với 154.467.000 đồng kinh phí thực hiện; Người sinh sống vùng KTXH ĐBKK: 2.443 người, với 590.652.000 đồng kinh phí thực hiện; Nhóm trẻ em dưới 6 tuổi: 6.983 người, với 1.654.509.600 đồng kinh phí thực hiện; Đại biểu HĐND: 96 người, với 23.328.000 đồng kinh phí thực hiện; Nhóm học sinh được NSNN hỗ trợ 40% mức đóng: 413 người, với 7.065.732 đồng kinh phí thực hiện; Nhóm người DTTS đang sinh sống tại các địa bàn xã khu vực II, III trong giai đoạn 2016-2020 nhưng không thuộc giai đoạn 2021-2025 được NSNN hỗ trợ 70% mức đóng: 3.483 người, với 610.205.400 đồng kinh phí thực hiện; Nhóm hộ gia đình NLNN có mức sống trung bình được NSNN hỗ trợ 40% mức đóng: 148 người, với 12.700.800 đồng kinh phí thực hiện; Nhóm người từ 80 tuổi trở lên đang hưởng trợ cấp tuất hàng tháng tại cơ quan BHXH: 11 người, với 2.673.000 đồng kinh phí thực hiện.

cho người lao động trên địa bàn 12 xã, thị trấn. Ban hành Kế hoạch triển khai công tác đào tạo nghề cho người lao động hàng năm và các văn bản chỉ đạo các cơ quan, đơn vị chuyên môn triển khai công tác đào tạo nghề cho lao động gắn nguồn vốn hỗ trợ của các chương trình, dự án, tiểu dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia, triển khai hợp đồng đặt hàng đào tạo nghề theo nguồn kinh phí các chương trình mục tiêu quốc gia; tuyên truyền về chế độ, chính sách đào tạo nghề triển khai đến UBND các xã, thị trấn nhằm truyền thông đến người lao động, với kết quả thực hiện như sau:

+ **Năm 2022:** Đã tuyển sinh và đào tạo 12 lớp với 337 chỉ tiêu³⁷ (Đạt 160% so với chỉ tiêu được giao tại Chương trình số 18-CTr/HU của Huyện ủy; Đạt 140% so với chỉ tiêu của UBND tỉnh giao³⁸). Kinh phí bố trí thực hiện là **1.231.000.000** đồng. Trong đó: thực hiện giải ngân **512.262.800** đồng, đạt 41,6% kế hoạch vốn năm 2022. Số còn lại chuyển sang năm 2023 là **718.737.200** đồng

+ **Năm 2023:** Đã tuyển sinh và đào tạo 10 lớp với 330 chỉ tiêu³⁹ (Đạt 157% so với chỉ tiêu được giao tại Chương trình số 18-CTr/HU của Huyện ủy; Đạt 89,2% so với chỉ tiêu của UBND tỉnh giao⁴⁰). Kinh phí bố trí thực hiện là **3.215.737.200** đồng. Trong đó năm 2022 chuyển sang **718.737.200** đồng và năm 2023 là **2.497.000.000** đồng. Đã giải ngân **762.127.000** đồng, đạt 22,7% kế hoạch vốn năm 2023. Số còn lại chuyển sang năm 2024 là **2.453.610.200** đồng

+ **Quý I năm 2024:** công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn đang trong quá trình lãnh chỉ đạo triển khai, thực hiện. Sau khi hoàn thành khóa đào tạo, 100% lao động nông thôn tham gia đào tạo nghề đều tự tạo việc làm cho bản thân, tuy phần lớn lao động nông thôn vẫn làm nghề cũ nhưng đã được nâng cao tay nghề, áp dụng được khoa học kỹ thuật vào sản xuất nhằm tăng thu nhập và cải thiện cuộc sống.

- **Chính sách trợ giúp xã hội:** Triển khai thực hiện chính sách trợ giúp xã hội tại Nghị định 20/2021/NĐ-CP của Thủ tướng⁴¹; Thông tư 02/2021/TT-BLĐTBXH ngày 24/06/2021 của Bộ Lao động - TB&XH về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ⁴² và Nghị quyết 68/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum, các chính sách được triển khai đảm bảo kịp thời theo quy định, toàn huyện đang theo dõi, quản lý và chi trả chính sách trợ giúp xã hội hàng tháng qua hệ thống Bưu điện cho **1.514** đối tượng⁴³ các loại theo quy định.

- **Một số chính sách hỗ trợ theo Quyết định 1719/QĐ-TTG ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I:**

³⁷ Cụ thể: Nghề Nông nghiệp: 09 lớp, với 262 chỉ tiêu; Nghề Phi Nông nghiệp: 03 lớp, với 75 chỉ tiêu.

³⁸ Theo Kế hoạch số 676/KH-UBND ngày 11/3/2022 của UBND tỉnh Kon Tum về việc triển khai công tác đào tạo nghề cho người lao động năm 2022 trên địa bàn tỉnh Kon Tum, theo đó đào tạo cho 240 lao động nông thôn.

³⁹ Cụ thể: Nghề Nông nghiệp: 08 lớp, với 267 chỉ tiêu; Nghề Phi Nông nghiệp: 02 lớp, với 63 chỉ tiêu.

⁴⁰ Theo Kế hoạch số 353/KH-UBND ngày 13/02/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn giai đoạn 2022 - 2025, theo đó năm 2023 đào tạo cho 370 lao động nông thôn.

⁴¹ Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội

⁴² quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội

⁴³ Trong đó: Nhóm đối tượng thụ hưởng tại Nghị định 20/2021/NĐ-CP của Thủ tướng hơn 1.496 đối tượng; nhóm đối tượng thụ hưởng chính sách đặc thù của tỉnh tại Nghị quyết 68/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum: 18 đối tượng.

từ năm 2021 đến năm 2025:

+ **Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt:** Thực hiện hỗ trợ đất ở: **16** hộ (chuyển tiếp từ năm 2022); thực hiện hỗ trợ nhà ở: **47** hộ (chuyển tiếp từ năm 2022); thực hiện hỗ trợ đất sản xuất: **45** hộ; thực hiện hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán: 404 hộ. Bàn giao đưa vào sử dụng **04** công trình nước sinh hoạt tập trung tại các xã Mường Hoong; Ngọc Linh; Đăk Plô và Đăk Long.

+ **Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết:** Thực hiện các dự án quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết: **04** dự án (*Dự án sắp xếp, ổn định dân cư tại chỗ xã Mường Hoong; Dự án sắp xếp, ổn định dân cư tại chỗ xã Xốp; Dự án sắp xếp, ổn định dân cư tại chỗ xã Ngọc Linh; Hỗ trợ làm nhà dự án định canh định cư tập trung thôn Ngọc Nang, xã Mường Hoong, huyện Đăk Glei*).

+ **Chính sách tín dụng ưu đãi cho hộ nghèo, hộ cận nghèo: Năm 2022: 615** hộ (*Trong đó: Nhu cầu vay Hỗ trợ nhà ở: 416 hộ; đất ở: 141 hộ; đất sản xuất: 24 hộ, chuyển đổi nghề 133 hộ*)⁴⁴; **Năm 2023: 906** hộ (*trong đó: Nhu cầu vay Hỗ trợ nhà ở: 408 hộ; đất ở: 91 hộ; đất sản xuất: 20 hộ, chuyển đổi nghề 187 hộ, Hỗ trợ NSH phân tán: 392 hộ*)⁴⁵; **Năm 2024: 185** hộ (*trong đó: Nhu cầu vay Hỗ trợ nhà ở: 117 hộ; đất ở: 18 hộ; đất sản xuất: 0 hộ, chuyển đổi nghề 37 hộ, hỗ trợ NSH phân tán: 55 hộ*)⁴⁶.

- **Kết quả giải ngân các nguồn vốn vay ưu đãi theo Nghị định 28/2022/NĐ-CP: 29.245** triệu đồng/653 hộ, trong đó: Hỗ trợ nhà ở: **2.945** triệu đồng; hỗ trợ đất ở: **18.530** triệu đồng; hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề: **7.770** triệu đồng.

(Chi tiết kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ trực tiếp cho đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo tại Phụ lục 1 đính kèm theo)

2.3. Đánh giá hiệu quả các chính sách hỗ trợ trực tiếp cho hộ nghèo, cận nghèo trên địa bàn huyện giai đoạn 2021 đến quý I năm 2024

- Qua triển khai thực hiện các nguồn lực được hỗ trợ từ các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 (*Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững; Chương trình MTQG phát triển vùng đồng bào DTTS và Chương trình MTQG nông thôn mới*) gắn với phân đầu thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững đã góp phần giảm dần tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo đa chiều toàn huyện; hạn chế thấp nhất tình trạng hộ tái nghèo và phát sinh nghèo; các chính sách hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo đã góp phần vượt lên mức sống tối thiểu, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia, nâng cao chất lượng cuộc sống; hỗ trợ các xã đặc biệt khó khăn thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn so với đầu giai đoạn.

- Các chỉ số thiếu hụt của đối tượng dần được cải thiện và nâng cao hơn (*Chi*

⁴⁴ Phê duyệt tại Quyết định số 478/QĐ-UBND ngày 28/9/2022 của UBND huyện là: 504 hộ (trong đó: *Nhu cầu vay Hỗ trợ nhà ở: 360 hộ; đất ở: 118 hộ; đất sản xuất: 15 hộ, chuyển đổi nghề 109 hộ*); Quyết định số 599/QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Đăk Glei (bổ sung): 111 hộ (trong đó: *Nhu cầu vay Hỗ trợ nhà ở: 56 hộ; đất ở: 23 hộ; đất sản xuất: 9 hộ, chuyển đổi nghề 24 hộ*)

⁴⁵ Phê duyệt tại Quyết định số 52/QĐ-UBND ngày 29/3/2023 của UBND huyện là: 654 hộ (trong đó: *Nhu cầu vay Hỗ trợ nhà ở: 358 hộ; đất ở: 76 hộ; đất sản xuất: 15 hộ, chuyển đổi nghề 182 hộ, Hỗ trợ NSH phân tán: 164 hộ*); Quyết định số 130/QĐ-UBND ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Đăk Glei (bổ sung): 252 hộ (trong đó: *Nhu cầu vay Hỗ trợ nhà ở: 50 hộ; đất ở: 15 hộ; đất sản xuất: 5 hộ, chuyển đổi nghề 5 hộ; Hỗ trợ NSH phân tán: 228 hộ*)

⁴⁶ Phê duyệt tại Quyết định số 58/QĐ-UBND ngày 10/4/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Đăk Glei.

tiết tại Phụ lục 2- Khắc phục các chỉ số bị thiếu hụt); các nhóm nguyên nhân dẫn đến nghèo, cận nghèo toàn huyện đã giảm dần (Chi tiết tại Phụ lục 3: Khắc phục các nguyên nhân nghèo).

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm:

- Công tác triển khai, thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững được các cấp, các ngành trên toàn huyện tổ chức quán triệt, tích cực và chủ động lãnh chỉ đạo triển khai thực hiện đồng bộ gắn với các nhiệm vụ, giải pháp đề ra; việc triển khai thực hiện các dự án, mô hình giảm nghèo đã góp phần và tạo điều kiện, cơ hội cho người dân được tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, góp phần cải thiện, nâng cao dần chất lượng sống của người dân, phát triển kinh tế - xã hội; quốc phòng an ninh được giữ vững và trật tự an toàn xã hội ổn định.

- Ban Chỉ đạo các cấp được thành lập, kiện toàn kịp thời, thực hiện tốt nhiệm vụ chỉ đạo, điều hành, điều phối, đảm bảo Chương trình được triển khai thực hiện có hiệu quả.

- Tỷ lệ giảm nghèo trên địa bàn huyện được giảm dần cơ bản đạt và vượt so với lộ trình giảm nghèo theo kế hoạch phân đầu hàng năm đề ra của cấp ủy.

2. Hạn chế, khó khăn, vướng mắc: Qua triển khai, thực hiện còn những tồn tại, hạn chế, trong quá trình triển khai thực hiện các dự án, tiểu dự án:

- Việc ban hành các văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương về triển khai Chương trình giai đoạn đầu kỳ có lúc chưa kịp thời; Trung ương giao kế hoạch vốn năm 2022 chậm so với thời hạn lập dự toán ngân sách Nhà nước hàng năm dẫn đến khó khăn cho địa phương trong cân đối xác định nguồn lực đối ứng từ ngân sách địa phương, huy động các nguồn lực hợp pháp để thực hiện Chương trình và ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân kế hoạch vốn được giao; tỷ lệ giải ngân vốn thực hiện Chương trình đạt thấp. Dự toán ngân sách Trung ương bố trí năm 2022 vào thời điểm giữa năm 2022, hoạt động các dự án, tiểu dự án nhiều nội dung, có tính chất mới khó khăn trong tổ chức thực hiện.

- Công tác liên kết với cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong tỉnh (*Trường Cao đẳng Kon Tum*) để phối hợp mở lớp đào tạo nghề cho người lao động nông thôn, ngành nghề phi nông nghiệp (*nghề hàn*) trên địa bàn huyện còn gặp khó khăn; người học nghề sau đào tạo chưa chủ động kết nối, tìm kiếm việc làm qua các sàn giao dịch việc làm trong tỉnh, ngoài huyện. Nguyên nhân tồn tại hạn chế về công tác đào tạo nghề gồm 06 nhóm nguyên nhân⁴⁷.

⁴⁷ Cụ thể như sau: *Thứ nhất:* Sau khi Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn giai đoạn 2011-2020 kết thúc thì cấp trên chậm có văn bản triển khai thực hiện trong giai đoạn tiếp theo, cụ thể đến tháng 5 năm 2021 thì UBND tỉnh mới ban hành Kế hoạch về triển khai công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2021. *Thứ hai:* Sau khi UBND tỉnh ban hành Kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn thì đại dịch Covid-19 tại tiếp tục bùng phát mạnh và có diễn biến hết sức phức tạp cho đến nay. Để đảm bảo tốt công tác phòng chống dịch, UBND tỉnh cũng đã có văn bản chỉ đạo không cho phép tụ tập đông người nhất là năm 2021 và 4 tháng đầu năm 2022, vì vậy đã ảnh hưởng đến công tác tuyên truyền cũng như tuyển sinh, tổ chức đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn huyện. *Thứ ba:* Trình độ nhận thức của một bộ phận người dân còn hạn chế, đặc biệt là người nghèo, chưa nhận thức đầy đủ về chủ trương đào tạo nghề, vay vốn giải quyết việc làm, chưa mạnh dạn tham gia vào thị trường lao động trong và ngoài nước. *Thứ tư:* Việc ban hành Thông tư, văn bản hướng dẫn đến dự án giáo dục nghề nghiệp thuộc của Chương trình MTQG GN bền vững giai đoạn 2021-2025 và Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS và Miền Núi giai đoạn 2021-2025, thuộc thẩm quyền tham mưu của Bộ, ngành Trung ương còn chậm. *Thứ năm:* Dự toán ngân sách được Trung ương năm 2022 được bố trí chậm, chưa sát với thực tế kinh phí thực hiện công tác đào tạo nghề từ các

- Theo nội dung trả lời tại Công văn số 1516/TCGDNN-KHTC ngày 31/7/2023 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp - Bộ LĐ-TBXH về giải quyết các vướng mắc trong thực hiện các nội dung về giáo dục nghề nghiệp thuộc 03 Chương trình MTQG giai đoạn 2021 - 2025 quy định “*Trung tâm GDNN - GDTX huyện không phải là cơ sở GDNN và không được hỗ trợ sửa chữa, bảo dưỡng tài sản, một số hạng mục công trình, mua sắm máy móc, trang thiết bị, phương tiện đào tạo từ nguồn vốn thuộc 03 Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025*”. Do đó, giải ngân trong năm 2022 và đầu năm 2023 có vướng mắc.

- Chất lượng học tập của học sinh DTTS trên địa bàn huyện có nâng lên nhưng vẫn còn thấp, còn có sự chênh lệch lớn về chất lượng giáo dục giữa học sinh người DTTS và học sinh người Kinh. Một số em khoảng cách từ nhà ở đến trường học còn xa, nhiều hộ đồng bào dân tộc các hộ nghèo còn thói quen đưa con đi rầy, chưa quan tâm, chăm lo đến việc học tập của con cái. Một số gia đình phụ huynh học sinh chưa sử dụng đúng mục đích các chế độ cho học sinh thuộc hộ nghèo, cận nghèo. Không sử dụng để mua sắm đồ dùng học tập, phương tiện cho học sinh đến trường mà dùng vào việc khác.

3. Nguyên nhân

3.1. Nguyên nhân khách quan:

- Năm 2021 là năm giao thời giữa giai đoạn cũ và giai đoạn mới, trong khi Trung ương chưa ban hành các chính sách cho giai đoạn mới và chưa có văn bản hướng dẫn.

- Năm 2022 là năm đầu triển khai Chương trình, có nhiều quy định, chính sách mới nên việc tiếp cận, hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện từ Trung ương đến cơ sở gặp khó khăn.

3.2. Nguyên nhân chủ quan: Một số cán bộ, công chức cấp xã chưa chủ động dành thời gian nghiên cứu kỹ về nội dung, phạm vi, đối tượng, mục tiêu, nhiệm vụ của từng dự án, tiểu dự án được quy định tại các Nghị định, Thông tư, hướng dẫn thuộc Chương trình dẫn đến công tác tham mưu triển khai thực hiện tại cấp cơ sở còn lúng túng.

IV. MỤC TIÊU VÀ NHIỆM VỤ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CÔNG TÁC GIẢM NGHÈO ĐẾN NĂM 2025

1. Mục tiêu: Phấn đấu đến cuối giai đoạn (*cuối nhiệm kỳ 2021-2025*) tỷ lệ hộ nghèo toàn huyện còn dưới 11,75%, đạt mục tiêu đề ra tại Nghị quyết 06-NQ/ĐH ngày 10-8-2020 của Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện; Chương trình số 17-CTr/HU ngày 09/11/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 – 2025.

2. Nhiệm vụ giải pháp thực hiện công tác giảm nghèo đến năm 2025

- Tuyên truyền, phổ biến sâu rộng đến cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân về ý nghĩa, mục đích, sự cần thiết của Chương trình nhằm tạo sự đồng thuận và

Chương trình mục tiêu quốc gia được phân bổ về lớn hơn nhiều so với kế hoạch cấp trên giao từ đầu năm, việc giải ngân sẽ không hết vốn cấp trên giao. *Thứ sáu:* Việc ban hành định mức kinh tế- kỹ thuật các ngành nghề, trình độ đào tạo của cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh theo định mức mới của cấp có thẩm quyền còn chậm. Do đó, ảnh hưởng đến thời gian triển khai thực hiện cũng như tiến độ giải ngân đối với các nội dung liên quan đến công tác đào tạo nghề.

hưởng ứng của toàn xã hội; nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào thi đua “*Vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau*” và Cuộc vận động “*Làm thay đổi nếp nghĩ, cách làm của đồng bào dân tộc thiểu số, làm cho đồng bào dân tộc thiểu số vươn lên thoát nghèo bền vững*”.

- Phát huy vai trò Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội trong công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân chủ động, sáng tạo, tự lực, tự cường, có ý chí, khát vọng vươn lên thoát nghèo bền vững. Trong đó, tiếp tục thực hiện tốt công tác dân vận trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, phong trào “*Dân vận khéo*”, gắn với việc triển khai thực hiện có hiệu quả Cuộc vận động “*Làm thay đổi nếp nghĩ, cách làm của đồng bào dân tộc thiểu số, làm cho đồng bào dân tộc thiểu số vươn lên thoát nghèo bền vững*”, Cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*”, Phong trào thi đua “*Vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau*”.

- Tiếp tục nghiên cứu, tham mưu, xây dựng và thực hiện các cơ chế, chính sách đặc thù của tỉnh đối với người nghèo, đảm bảo đúng quy định của pháp luật và phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Tổ chức rà soát, đánh giá sát đúng tình hình thực hiện Chương trình theo từng nội dung, tiêu chí cụ thể; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, triển khai các giải pháp phù hợp với điều kiện thực tế. Kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan tổ chức thực hiện Chương trình theo hướng tập trung, thống nhất, tinh gọn.

- Triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách, dự án, chương trình hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về công tác giảm nghèo bền vững, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các vi phạm, nhất là hành vi trục lợi chính sách giảm nghèo; xem xét trách nhiệm đối với tổ chức, cá nhân để xảy ra tình trạng vi phạm pháp luật về giảm nghèo.

- Thực hiện điều tra rà soát hộ nghèo, cận nghèo của UBND các xã, thị trấn; Ban giảm nghèo cấp xã, thị trấn phải xác định rõ nguyên nhân, thực trạng nghèo hộ gia đình để đề xuất các nhóm giải pháp hỗ trợ; các chính sách phù hợp để giảm nghèo bền vững. Tiếp tục chỉ đạo tuyên truyền, vận động, hướng dẫn Nhân dân mạnh dạn vay vốn ngân hàng chính sách xã hội; sử dụng có hiệu quả nguồn vốn vay để phát triển kinh tế, phấn đấu 100% hộ dân có nhu cầu và đủ điều kiện vay được vay vốn.

- Làm tốt công tác tuyên truyền về chính sách hỗ trợ; tăng cường công tác giám sát việc thực hiện chính sách để việc thực hiện chế độ, chính sách của học sinh đảm bảo đúng quy định. Tiếp tục làm tốt công tác chi trả đầy đủ, đúng đối tượng học sinh thuộc hộ nghèo, cận nghèo đúng quy định.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT:

1. Để đảm bảo thực hiện mục tiêu các chính sách hỗ trợ từ các Chương trình mục tiêu quốc gia đề ra tại Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022, kịp thời tháo gỡ và đáp ứng nguyện vọng của các địa phương; đề nghị Đoàn Giám sát, Sở Lao động – TB&XH tiếp tục kiến nghị Trung ương về Công văn số 1516/TCGDNN-KHTC ngày 31/7/2023 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp - Bộ LĐ-TBXH về giải quyết các vướng mắc trong thực hiện các nội dung về giáo dục nghề nghiệp thuộc 03

Chương trình MTQG giai đoạn 2021 - 2025 quy định “*Trung tâm GDNN - GDTX huyện không phải là cơ sở GDNN và không được hỗ trợ sửa chữa, bảo dưỡng tài sản, một số hạng mục công trình, mua sắm máy móc, trang thiết bị, phương tiện đào tạo từ nguồn vốn thuộc 03 Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025*”.

2. Trung ương và cấp tỉnh sớm có quy định cụ thể về cơ chế quản lý tài sản hình thành tại tổ hợp tác hoặc cộng đồng dân cư trong thực hiện các hoạt động mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất.

Ủy ban nhân dân huyện Đăk Glei báo cáo đề Đoàn giám sát của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND, Sở Lao động – TB&XH tỉnh Kon Tum biết, theo dõi tổng hợp và chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Đoàn giám sát Ban VHXH HĐND tỉnh (b/c);
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh (t/d);
- Sở Lao động – TB&XH tỉnh (b/c);
- Thường trực Huyện ủy (b/c);
- Thường trực HĐND huyện (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện (b/c);
- Phòng Lao động-TB&XH (t/h);
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Y Thanh